

Số: 8 /QĐ-NV

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách
năm 2025 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa.**

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6569/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (lần 2);

Xét đề nghị của bộ phận tài chính, kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Lãnh đạo, bộ phận tài chính và cán bộ, công chức Phòng Nội vụ tổ chức thực hiện Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- UBND Tp. Biên Hòa (báo cáo);
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng VH, KH và TT (phối hợp công khai)
- Như điều 3;
- Lưu: VT; Kế toán.



Nguyễn Kim Bích Huyền

HÔNG NỘI VỤ
PHÒNG
NỘI VỤ ĐƯ
(Kèm theo Quyết

Chương: 635

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 8 /QĐ-NV ngày 08 /4/2025 của Phòng Nội vụ)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-14.094.439.084
I	Nguồn ngân sách nhà nước	-14.094.439.084
1	Chi quản lý hành chính	-13.914.439.084
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-2.942.609.060
1.1.1	Thanh toán cá nhân	-2.003.601.060
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	-2.003.601.060
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-939.008.000
	- Kinh phí hoạt động	-939.008.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-10.971.830.024
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	-537.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-537.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	
1.2.2	Kinh phí cải cách hành chính	-603.742.000
	- Kinh phí hoạt động	-603.742.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	
1.2.3	Kinh phí phục vụ công tác QLNN về văn thư lưu trữ thành phố	-112.500.000
	- Kinh phí hoạt động	-112.500.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	
1.2.4	Kinh phí khen thưởng	-9.644.388.024
	- Kinh phí hoạt động	-9.644.388.024
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	
1.2.5	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	-54.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-54.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.2.6	Kinh phí hỗ trợ tết	-200.000
1.2.7	Kinh phí phần mềm HTC V-TL	-20.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-180.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-180.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-180.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	